



Số và ký hiệu: 03.-KH/BCĐ
Ký bởi: Tỉnh ủy Ninh Bình

TỈNH ỦY NINH BÌNH
BAN CHỈ ĐẠO CẤP TỈNH VỀ PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Ninh Bình, ngày 09 tháng 9 năm 2025

Số 03-KH/BCĐ

KẾ HOẠCH
Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”;

- Căn cứ Quyết định số 159-QĐ/TU ngày 17/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 12/8/2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình;

Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình (*sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh*) ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai sâu rộng Phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân với tinh thần cách mạng, toàn dân, toàn diện, không ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số, mọi người dân đều được trang bị kiến thức, kỹ năng số cần thiết để áp dụng trong cuộc sống hằng ngày nhằm nắm bắt, tận dụng, khai thác, thụ hưởng

những thành quả của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số mang lại.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp, các tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số, khơi dậy động lực tự thân của mỗi người trong học tập, rèn luyện kỹ năng số và tham gia đầy đủ vào tiến trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số tỉnh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Phong trào, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp phổ cập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng số cho người dân; đồng thời đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền, đối tượng dân cư trong tỉnh, đặc biệt chú trọng đến vùng sâu, vùng xa.

- Xây dựng một xã hội học tập số, tạo điều kiện cho người dân học tập suốt đời và nâng cao trình độ trong môi trường số.

2. Yêu cầu

- Phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai toàn diện, sâu rộng đến tận thôn bản, tổ dân phố, tạo nên cuộc vận động toàn dân thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng số, tích cực tham gia vào tiến trình chuyển đổi số. Cán bộ, đảng viên tiên phong, gương mẫu thực hiện Phong trào, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng trí thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân.

- Thực hiện bài bản, khoa học, linh hoạt và sáng tạo, bám sát tình hình thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị. Phát huy cao độ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, đơn vị công nghệ nhằm kiến tạo hệ sinh thái học tập số đa dạng, phong phú. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học tập trực tuyến, bảo đảm phương thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp với mọi đối tượng, nhất là các nhóm yếu thế, người dân vùng sâu, vùng xa.

- Triển khai nhanh, rộng khắp, bao trùm, có tính hệ thống, gắn kết, hoàn thành sớm. Tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, giúp người dân kết

nổi, tương tác và phát triển kỹ năng số để sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, hình thành thói quen và văn hóa trong môi trường số.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, bảo đảm hiệu quả thực chất. Kết quả của Phong trào phải được đo lường bằng sự thay đổi căn bản về năng lực sử dụng nền tảng số, dịch vụ số của người dân, thúc đẩy kinh tế số, xây dựng Chính phủ số, xã hội số và hướng đến mục tiêu đưa tỉnh Ninh Bình nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

- Bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong suốt quá trình triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Việc học tập, quán triệt và thực hiện Phong trào gắn với thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai và rút kinh nghiệm để có những điều chỉnh phù hợp, kịp thời.

- Đảm bảo các nguồn lực và sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức và địa phương trong tỉnh.

II. NỘI DUNG PHONG TRÀO

1. Tuyên truyền, phổ biến, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân về chuyển đổi số và công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh gắn với chuyển đổi số quốc gia.

2. Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của Trung ương và rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh, tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản về thể chế nhằm hỗ trợ và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, công tác phổ cập kỹ năng số cho người dân với phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” và “người dân, doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số”.

3. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, cập nhật, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công, phổ cập kỹ năng số cho học sinh, sinh viên, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân trong học tập, nghiên cứu, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ thiết yếu khác.

4. Phát động Phong trào Thi đua tự học về chuyển đổi số, rèn luyện phát triển kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; khai thác có hiệu quả các dịch vụ, nền tảng số, các công nghệ số, nhất

là trí tuệ nhân tạo trong công việc và cuộc sống, xây dựng đơn vị số, cộng đồng số, gia đình và cộng dân số.

5. Gắn kết Phong trào với triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (ban hành theo Quyết định số 146/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ), với các phong trào đang triển khai thực hiện, nhất là phong trào thi đua “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030” (theo Quyết định số 1315/QĐ-TTg, ngày 09/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Xây dựng và phát triển các câu lạc bộ, cộng đồng học tập số tại cơ sở (thôn, xóm, tổ dân phố, cơ quan, trường học...) để tạo môi trường giao lưu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và hỗ trợ nhau nâng cao kỹ năng số.

7. Nhấn mạnh vai trò quan trọng của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh trong việc cung cấp các nền tảng, ứng dụng, công cụ và nội dung học tập số chất lượng, đa dạng, phong phú và phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng người dân.

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Năm 2025

a) 90% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cấp tỉnh, 80% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại cấp xã có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.

c) 80% người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số.

d) 50% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

2. Năm 2026

a) 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) 100% học sinh từ cấp tiểu học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, nhận biết được nguy cơ, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong môi trường số.

c) 100% người dân trưởng thành có trí thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng dụng tốt thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, tham gia tương tác, an toàn trên môi trường số.

d) 70% người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập trí thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID.

e) 100% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có kiến thức về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng tốt thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông và tuyên truyền

1.1. Thực hiện truyền thông sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của các cấp, các ngành, của Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh Ninh Bình, hệ thống đài truyền thanh cơ sở, các nền tảng mạng xã hội về chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”.

1.2. Tích cực vận động người dân tham gia học tập, truy cập, sử dụng các nguồn tài liệu đã được phát hành như <https://binhdanhocvuso.gov.vn/>; <https://chuyendoiso.mobiedu.vn/>; <https://onetouch.mic.gov.vn/>. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tận dụng tối đa sức mạnh của các kênh thông tin đại chúng (báo chí, truyền hình, phát thanh), các nền tảng mạng xã hội phổ biến (Facebook, Zalo, YouTube...), các ứng dụng di động thông minh và các hình thức truyền thông trực tiếp tại cộng đồng để tiếp cận đến mọi đối tượng, người dân.

1.3. Phát huy vai trò của những người nổi tiếng, người có uy tín trong cộng đồng, các trưởng thôn, tổ trưởng dân phố... trong việc tuyên truyền, vận động và lan tỏa tinh thần của phong trào. Phổ biến đến từng hộ gia đình, người dân về mục đích, ý nghĩa của phong trào “Bình dân học vụ số”. Tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc làm chủ công nghệ số, kỹ năng số trong tiến trình chuyển đổi số của tỉnh gắn với chuyển đổi số quốc gia.

1.4. Xây dựng và duy trì, vận hành Cổng thông tin điện tử để cung cấp thông tin về phong trào "Bình dân học vụ số" tới đông đảo nhân dân với nhiều phương thức khác nhau.

1.5. Triển khai "Ngày hội toàn dân học tập số vào ngày 10/10 hằng năm (Ngày Chuyển đổi số quốc gia). Kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương như tổ chức các hội thảo, tọa đàm, hội nghị, trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng.

1.6. Đưa việc triển khai nội dung phong trào là nội dung bắt buộc trong chương trình, kế hoạch hoạt động thi đua của các cơ quan, địa phương, đơn vị gắn với Phong trào "Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023-2030" trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về Phong trào

2.1. Triển khai thực hiện khung kỹ năng số và đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số cho bốn nhóm đối tượng: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan Nhà nước, học sinh, sinh viên; người lao động trong các doanh nghiệp; người dân theo Hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.2. Triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, cống hiến, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào theo Hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2.3. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tích cực tham gia hiệu quả Phong trào theo Hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Triển khai chương trình phổ cập kỹ năng số

3.1. Tham mưu văn bản cụ thể hóa chương trình phổ cập phù hợp với khung kỹ năng số của từng nhóm đối tượng phổ cập, tập trung vào nội dung cốt lõi, tăng cường thực hành, ứng dụng trong công việc và đời sống. Chương trình phổ cập cần được thiết kế một cách linh hoạt, đa dạng về nội dung và hình thức, phù hợp với trình độ, nhu cầu và điều kiện thực tế của từng nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt cần chú trọng đến người cao tuổi, người khuyết tật và người dân ở vùng sâu, vùng xa.

3.2. Triển khai các tài liệu, bài giảng theo quy định cho từng chương trình phổ cập đa dạng về thể loại (văn bản, hình ảnh, âm thanh, video, bài trình chiếu), ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện, triển khai cho cả người dạy và người học, phù hợp để đưa lên các nền tảng trực tuyến, đáp ứng số lượng lớn người

tham gia. Tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tế, hướng dẫn cầm tay chỉ việc để người dân có thể áp dụng ngay những kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc và cuộc sống hàng ngày. Tạo điều kiện thuận lợi để chia sẻ và tải xuống tài liệu học tập, đặc biệt cho khu vực có kết nối internet hạn chế.

4. Tổ chức triển khai các nền tảng do Trung ương xây dựng

4.1. Triển khai ứng dụng nền tảng học trực tuyến mở đại trà quốc gia (MOOCs) "Bình dân học vụ số" để đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho mọi đối tượng.

4.2. Triển khai ứng dụng nền tảng tích hợp với VNeID để tuyên truyền về chuyển đổi số, định danh, xác thực người học, phục vụ đào tạo, đánh giá, xác nhận trình độ phổ cập kỹ năng số, năng lực số theo hướng tự động. Cần có hướng dẫn cụ thể, dễ hiểu về cách đăng ký, truy cập và sử dụng các nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs), nền tảng tích hợp với VNeID và các nền tảng số khác do Trung ương xây dựng để người dân dễ dàng tiếp cận và tham gia học tập, rèn luyện kỹ năng số. Thiết lập hệ thống hỗ trợ kỹ thuật (hotline, trực tuyến...) để giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân trong quá trình sử dụng các nền tảng số.

4.3. Triển khai ứng dụng các dịch vụ, nền tảng số thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề để người dân thực hành, sử dụng ngay trong quá trình rèn luyện kỹ năng số. Qua đó, người dân thấy được lợi ích và tích cực tham gia quá trình chuyển đổi số.

4.4. Triển khai ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ học tập tri thức cơ bản về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số dựa trên công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Hệ thống sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cá nhân hóa nội dung học, bảo đảm trải nghiệm phù hợp với trình độ và nhu cầu của từng người dùng.

5. Phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

5.1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước.

a) Xây dựng hướng dẫn về việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề “Đảng viên tiên phong học tập kỹ năng số” trong các tổ chức cơ sở đảng trên toàn tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của đảng viên trong việc học tập, nâng cao nhận thức, phát triển kỹ năng số, thúc đẩy chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

b) Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn để cập nhật, nâng cao trình độ về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình, kế hoạch, đề án đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh.

c) Lồng ghép, đưa nội dung chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số vào các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước do Bộ Nội vụ ban hành.

5.2. Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên:

a) Tích hợp giáo dục kỹ năng số một cách bài bản, hệ thống trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, đảm bảo tính liên tục và phù hợp với từng cấp học. Đặc biệt coi trọng kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục và đào tạo.

b) Triển khai Chương trình "Học từ làm việc thực tế", trong đó liên kết các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyên đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

c) Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, triển khai các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số của ngành.

d) Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

5.3. Phổ cập kỹ năng số cho người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng số để công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động.

b) Tổ chức các khóa đào tạo, hướng dẫn người lao động về cách sử dụng các công cụ và phần mềm quản lý sản xuất, vận hành máy móc tự động hóa, giám sát và kiểm tra chất lượng sản phẩm, các kiến thức, kỹ năng về thương mại điện tử.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo để tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số tại nơi làm việc, tập trung vào các kỹ năng ứng dụng công nghệ số để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và quản lý.

5.4. Phổ cập kỹ năng số cho người dân

a) Tổ chức các lớp học cộng đồng một cách linh hoạt về thời gian và địa điểm (tại nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng, trường học...) với nội

dung thiết thực, gần gũi với cuộc sống hàng ngày của người dân, ví dụ như sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, mua bán trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng.... Khuyến khích người dân tham gia học tập kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

b) Thôn, xóm, tổ dân phố phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên, doanh nghiệp công nghệ số, hội phụ nữ và các tổ chức xã hội cử hội viên có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số.

c) Tổ chức các lớp học "Bình dân học vụ số" cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

d) Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Duy trì và nâng cấp các trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật,... theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Hỗ trợ người nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo đảm người nghèo, vùng sâu, vùng xa có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, thu hẹp khoảng cách số với thành thị.

6. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

6.1. Mạng lưới “Đại sứ số”: Xây dựng mạng lưới “Đại sứ số” để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn (mentor) - Người học (mentee). Mỗi "mentor" hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 "mentee". Mỗi phường, xã bố trí ít nhất một nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng không đủ kỹ năng thao tác trên Cổng dịch vụ vụ công trực tuyến. Cần có quy trình tuyển chọn, đào tạo bài bản và cơ chế hỗ trợ, ghi nhận, khen thưởng các đại sứ số để họ hoạt động hiệu quả và nhiệt tình.

6.2. Phong trào “Gia đình số”: Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình. Phát động phong trào thi đua giữa các gia đình trong việc học tập và ứng dụng kỹ năng số, có thể có hình thức khen thưởng, tôn vinh các "Gia đình số tiêu biểu".

6.3. Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương-Thương

mại điện tử -Thanh toán không dùng tiền mặt-Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng, việc sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương và các doanh nghiệp công nghệ để triển khai mô hình này một cách hiệu quả, hỗ trợ tiểu thương và nông dân tiếp cận với thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.

6.4. Mô hình “Mỗi công dân-Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người dân cài đặt, kích hoạt và sử dụng ứng dụng VNeID để tạo lập danh tính số.

6.5. Mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy cao độ vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người", nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện khó khăn, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số. Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực cho các tổ công nghệ số cộng đồng, đảm bảo phủ khắp các địa bàn dân cư, đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Có cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các tổ công nghệ số cộng đồng với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể.

6.6. Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn tại địa phương thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số. Phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của đoàn viên, thanh niên trong việc tổ chức các lớp học, nhóm hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định về phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khác có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan trong phần IV của Kế hoạch này.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm tạo sức lan tỏa rộng khắp trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hưởng ứng Phong trào. Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về huy động nguồn lực, nâng cao nhận thức, động viên hội viên, quần chúng tham gia Phong trào; giám sát, phản biện quá trình thực hiện Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số" vào triển khai các chương trình, đề án; các phong trào, các cuộc vận động do các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, phát động, nhất là phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời giai đoạn 2023 - 2030”.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy trong việc tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Phong trào.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Phong trào;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Phong trào theo yêu cầu của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có yêu cầu; tổng hợp, theo dõi việc đăng ký, triển khai mô hình thực hiện Phong trào của các địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo của tỉnh thành lập Tổ Công tác triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ

chức, doanh nghiệp để bảo đảm việc triển khai phong trào đúng quan điểm chỉ đạo, đạt được yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Ban hành Hướng dẫn tuyên truyền triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại: 1.1, 1.2, 1.6 mục 1, phần IV; a, 5.1, mục 5, phần IV của Kế hoạch này và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan.

5. Văn phòng Tỉnh ủy

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại 1.4, mục 1, phần IV của Kế hoạch này.

6. Công an tỉnh

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại: 4.2 mục 4, phần IV; 6.4, mục 6, phần IV của Kế hoạch này.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai Phong trào và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng phong trào trong toàn ngành công an; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai Phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại: 1.5, mục 1, phần IV; 2.1, mục 2, phần IV; 4.1, 4.4 mục 4, phần IV; b, 5.1, mục 5, phần IV của Kế hoạch này và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối Internet để thực hiện Phong trào.

- Chủ trì tham mưu xây dựng Kế hoạch tổ chức Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” và Kế hoạch Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Phong trào.

- Chủ trì tham mưu, xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin “Bình dân học vụ số” của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Nhà nước, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do Sở chủ trì.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Phong trào.

- Chủ trì, và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại: 3.1, 3.2, mục 3, phần IV; mục 5.2, phần IV của Kế hoạch này và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan.

- Chỉ đạo cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp đóng góp về cơ sở vật chất, hạ tầng số, nhân lực số hỗ trợ triển khai Phong trào.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong tỉnh tích hợp giáo dục kỹ năng số vào chương trình đào tạo và phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai Phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

9. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại: 2.2, mục 2, phần IV; c, 5.1, mục 5, phần IV của Kế hoạch này và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành trong việc rà soát, đánh giá và đề xuất các chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kỹ năng số.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai Phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

10. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cho cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách tỉnh để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Tham gia phối hợp trong xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

11. Sở Văn hóa và Thể thao

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan báo chí của tỉnh và cơ quan báo chí Trung ương thường trú trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền về các nội dung của Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào và theo Hướng dẫn tuyên truyền triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình do Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy ban hành; phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức và các địa phương cung cấp thông tin cho báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hưởng ứng Phong trào trong toàn ngành; xây dựng, đăng ký mô hình triển khai phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

12. Đảng ủy các xã, phường trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức phát động, triển khai Phong trào tại địa phương, cơ quan, đơn vị bằng hình thức phù hợp.

- Nghiên cứu xây dựng, đăng ký mô hình, cách làm sáng tạo, đạt hiệu quả triển khai Phong trào phù hợp với đặc thù của ngành, đơn vị.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại: Mục 1, mục 5 phần IV của Kế hoạch này và các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan; chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả thực hiện Phong trào tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

- Lồng ghép thực hiện Phong trào vào kế hoạch, đề án, chương trình chuyển đổi số địa phương, cơ quan, đơn vị đang thực hiện.

13. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số

- Hỗ trợ hạ tầng số và các nguồn lực về con người, tài chính; triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số cho người dân.

- Phát huy vai trò trong việc tham gia phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đề xuất các giải pháp công nghệ sáng tạo để hỗ trợ việc triển khai phong trào hiệu quả hơn.

- Xây dựng các khóa học, trực tiếp tổ chức các lớp học "Bình dân học vụ số" cho các nhóm đối tượng phù hợp với thể mạnh của các doanh nghiệp. Điều động nhân sự tham gia đội ngũ giáo viên, tình nguyện viên triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số".

14. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức - chính trị xã hội tỉnh, các xã, phường định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng, 01 năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Phong trào gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy); Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh và Trung ương định kỳ và khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Ban Chỉ đạo tỉnh kêu gọi các đảng bộ, cơ quan, đơn vị, đảng viên, nhân dân, doanh nghiệp phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao độ, hành động mạnh mẽ, đồng bộ để triển khai hiệu quả phong trào, đẩy nhanh tiến trình, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để báo cáo),
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh,
- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Đảng ủy các xã, phường,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHÓ BÍ THƯ

kiêm

PHÓ TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Đinh Thị Lụa